

# NHẬN THỨC MỚI VỀ ĐẶC TRƯNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

TS. Phạm Văn Sinh

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Một trong những thay đổi quan trọng trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (bản bổ sung, phát triển năm 2011 so với bản Cương lĩnh năm 1991) là quan niệm mới về đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Theo Cương lĩnh năm 1991, đặc trưng đó được xác định là chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu (dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại); còn theo Cương lĩnh năm 2011 đó là: “nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm “quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” vẫn đang là một trong những vấn đề cấp bách về mặt lý luận và thực tiễn cần phải được tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ. Bài viết này góp phần giải quyết nội hàm của khái niệm ấy từ góc độ phân tích xu hướng khách quan của quá trình vận động hệ thống quan hệ sản xuất trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên cơ sở vận dụng lý luận hình thái kinh tế - xã hội – “hòn đá tảng” trong quan niệm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin vào sự phân tích thực tiễn thời đại hiện nay.*

## **1. Quan hệ sản xuất và hai nhân tố quy định sự vận động của quan hệ sản xuất**

*Quan hệ sản xuất* là mối quan hệ xã hội giữa con người với nhau trong quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội. Quan hệ đó vừa bao hàm các nội dung kinh tế vừa mang hình thức chính trị - xã hội của nó; trong đó, quan trọng nhất là hình thức quan hệ pháp lý (pháp luật) nhằm thực hiện các nội dung kinh tế của con người- tức là mối quan hệ lợi ích vật chất giữa con người với nhau trong quá trình sản xuất và tái sản xuất ra của cải vật chất của xã hội. Quan hệ sản xuất bao gồm ba mặt (hay 3 yếu tố, 3 lớp) có quan hệ biện chứng với nhau, đó là: quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức- quản lý và quan hệ phân phối kết quả của quá trình sản xuất- tái sản xuất vật chất của xã hội; trong đó, theo quan điểm duy vật lịch sử quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất là quan hệ cơ bản nhất, giữ vai trò nền tảng, quyết định hai mặt còn lại. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất là mối quan hệ xã hội giữa con người với nhau trong việc chiếm hữu các tư liệu sản xuất, bao gồm các nội dung cơ bản, được pháp lý hóa thành các quyền chiếm hữu, sử dụng, mua bán, chuyển nhượng,... các tư liệu đó.

Trong lịch sử nhân loại đã hình thành nhiều loại hình quan hệ sở hữu, nhưng về đại thể có hai loại hình cơ bản nhất là công hữu và tư hữu về các tư liệu sản xuất. Trên cơ sở hai loại hình này có thể làm xuất hiện các loại hình sở hữu đan xen, hỗn hợp tạo nên tính chất vừa khác biệt, đối lập vừa thống nhất biện chứng với nhau trong quá trình vận động của chúng. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, các loại hình đó không bao giờ tồn tại cách biệt mà trái lại, luôn trong trạng thái vận động đan xen, chi phối nhau trong tổng thể sự vận động của nền kinh tế, tạo nên sự cộng hưởng về tính chất hiệu quả của nó trong việc khai thác và sử dụng, tái tạo, phát triển các nguồn lực cho sự phát triển kinh tế của xã hội.

Theo lý luận hình thái kinh tế- xã hội, quan hệ sản xuất thuộc về mối quan hệ xã hội giữa con người với nhau trong quá trình sản xuất và tái sản xuất của xã hội, nó do con người xác lập nên nhưng không tuân theo ý muốn chủ quan của con người, trái lại nó luôn luôn chịu sự chi phối quyết định của *trình độ phát triển thực tế* của các lực lượng sản xuất hiện thực, trong đó cơ bản nhất và trực tiếp nhất là do tính chất khách quan về mặt kỹ thuật, công nghệ của nhu cầu duy trì, khai thác, sử dụng, tái tạo và phát

triển các lực lượng sản xuất hiện có của xã hội vào các quá trình sản xuất và tái sản xuất, nhằm phát huy các giá trị thực tế của các lực lượng sản xuất. Như vậy, nhân tố chi phối quyết định sự vận động của quan hệ sản xuất chính là trình độ phát triển thực tế của lực lượng sản xuất hiện có của một xã hội. Tuy nhiên, sự hình thành và vận động của quan hệ sản xuất không chỉ phụ thuộc vào trình độ phát triển khách quan của lực lượng sản xuất, mà còn phụ thuộc vào các nhân tố khác ngoài lực lượng sản xuất, đó là *tính mục tiêu định hướng phát triển chính trị - xã hội và lợi ích của chủ thể thống trị xã hội*, điều kiện lịch sử - cụ thể của xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển nhất định, trong đó quan trọng nhất là sự chi phối của mục tiêu định hướng phát triển chính trị - xã hội.

Như vậy, việc thiết lập và hoàn thiện, phát triển các quan hệ sản xuất cần phải bảo đảm sao cho quan hệ đó thực hiện và phát huy được *hai chức năng* cơ bản vốn có của nó, đó là chức năng thuộc hình thức kinh tế cho việc duy trì, khai thác – sử dụng, tái tạo và phát triển các lực lượng sản xuất, tức các nguồn lực vật chất, kỹ thuật, công nghệ hiện có của xã hội cho sự phát triển kinh tế và chức năng đáp ứng mục tiêu định hướng phát triển chính trị - xã hội của chủ thể cai trị xã hội. Đó là “chức năng kép” của quan hệ sản xuất trong bất kỳ một hình thái kinh tế- xã hội nào, ở bất kỳ giai đoạn phát triển nào của nó. Trong hai chức năng đó, chức năng thứ nhất là cơ sở để thực hiện chức năng thứ hai. Chức năng thứ nhất mang tính chất *phương tiện*, cơ sở để thực hiện chức năng thứ hai là chức năng mang tính *mục tiêu*. Mục tiêu sẽ không thể đạt được nếu thiếu phương tiện, nhưng phương tiện này lại không thể tùy ý chủ quan để xác lập mà nó lại phụ thuộc tất yếu vào trình độ phát triển thực tế của lực lượng sản xuất hiện có của xã hội. Bởi vậy, mục tiêu có tính chủ quan, còn phương tiện lại có tính khách quan. Mặt khác, cũng có thể thấy không thể đòi hỏi mục tiêu có tính chủ quan vượt quá giới hạn khả năng có thể đáp ứng được của phương tiện có tính khách quan. Đó cũng chính là mối quan hệ có tính tất yếu giữa hai chức năng của quan hệ sản xuất và từ đó trở thành nguyên tắc phương pháp luận cơ bản để xác lập chế độ kinh tế của mỗi xã hội ở từng giai đoạn phát triển nhất

định của nó.

## 2. Quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác– Lênin về chế độ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Quan điểm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác– Lênin về chế độ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa được trình bày trong nhiều tác phẩm, trong đó tiêu biểu là các tác phẩm: *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản* (Ph. Ăngghen), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (C.Mác và Ph.Ăngghen), *Phê phán cương lĩnh Gôta* (C. Mác), *Nhà nước và cách mạng, Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản* (V.I.Lênin),...

Xuất phát từ sự phân tích mâu thuẫn cơ bản trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (mâu thuẫn giữa xu hướng phát triển xã hội hóa cao độ của lực lượng sản xuất với tính chất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa của các quan hệ sản xuất), các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác– Lênin đã đi tới kết luận về tính tất yếu của sự thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng một phương thức sản xuất mới– phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp của nó là xã hội xã hội chủ nghĩa (hay chủ nghĩa xã hội). Đồng thời, các ông cũng nhấn mạnh rằng: sự thay thế này nhất định phải trải qua một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua chính đảng của nó là Đảng Cộng sản. Với sự thắng lợi của cuộc cách mạng chính trị mà giai cấp cách mạng có thể “đập tan” chính quyền của giai cấp tư sản, thiết lập một quyền lực mới– quyền lực của nhân dân lao động với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trên nền tảng liên minh công– nông với các tầng lớp lao động khác trong xã hội. Nhờ nắm được quyền lực nhà nước– nhà nước chuyên chính vô sản hay nhà nước xã hội chủ nghĩa– giai cấp cách mạng có thể thiết lập một chế độ kinh tế mới– chế độ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa. Theo phân tích của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác– Lênin thì nền kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa có các đặc trưng cơ bản sau:

*Một là, nền kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế dựa trên lực lượng sản xuất tiên tiến– tức lực lượng sản xuất đạt tới trình độ xã hội hóa rất cao - đã được tạo ra ngay trong xã hội tư bản nhờ*

sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Với thực tiễn phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, theo các ông, đó là một nền đại công nghiệp dựa trên trình độ cơ khí hóa trong toàn bộ quá trình sản xuất vật chất của xã hội.

Hai là, do tính chất xã hội hóa rất cao của lực lượng sản xuất trong toàn bộ quá trình sản xuất vật chất của xã hội nên theo “quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”, tất yếu quan hệ sản xuất tiên tiến phù hợp phải là *quan hệ sản xuất mới* thay thế cho quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân nói chung và chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa nói riêng (với tư cách là hình thức phát triển cao nhất của chế độ chiếm hữu tư nhân) về các tư liệu sản xuất của xã hội. Quan hệ sản xuất mới đó chính là quan hệ sản xuất của xã hội xã hội chủ nghĩa, lấy *chế độ công hữu* về tư liệu sản xuất làm căn bản, từ đó tất yếu hình thành *phương thức tổ chức kinh tế tập trung* thống nhất với *cơ chế kế hoạch hóa* toàn bộ quá trình sản xuất của xã hội theo sự chỉ đạo và quản lý của Nhà nước và lấy hình thức *phân phối theo lao động* làm hình thức cơ bản.

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, một trong những điểm căn bản nhất thuộc mục tiêu của tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là xóa bỏ được triệt để chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất với tư cách là hình thức phát triển điển hình và cao nhất của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và dùng phương thức ấy để chiếm đoạt (bóc lột) lao động làm thuê.

Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*— một tác phẩm mang giá trị cương lĩnh chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: “... chế độ tư hữu tư sản hiện thời... là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia.

Theo ý nghĩa đó, những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là “*xóa bỏ chế độ tư hữu*”.

Vậy chế độ kinh tế công hữu nói riêng và chế độ

kinh tế xã hội chủ nghĩa nói chung được xác lập bởi phương thức nào? Cố nhiên là chỉ có thể bằng biện pháp hành chính của Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện công việc “*tước đoạt lại của kẻ tước đoạt*” biến nó trở thành tài sản chung của xã hội, do Nhà nước thống nhất quản lý và sử dụng nó vì lợi ích chung của toàn thể xã hội. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen đã khẳng định:

“... bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ.

Giai cấp vô sản sẽ dùng sự thống trị chính trị của mình để từng bước một đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị, và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất...”.

Đồng thời với khẳng định đó, các ông cũng nhấn mạnh rằng trong những nước khác nhau, với những điều kiện lịch sử khác nhau thì tất nhiên những biện pháp cụ thể cũng sẽ khác nhau rất nhiều. Trong tác phẩm trên các ông đã đưa ra phác thảo tiến trình chung gồm 10 điểm có thể áp dụng ở “những nước tiên tiến nhất” – tức là những nước đã đạt tới trình độ phát triển rất cao của chủ nghĩa tư bản: “... Đối với những nước tiên tiến nhất thì những biện pháp sau đây sẽ có thể áp dụng khá phổ biến: 1- tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước; 2- áp dụng thuế lũy tiến cao; 3 - xóa bỏ quyền thừa kế; 4- tịch thu tài sản của tất cả những kẻ lưu vong và của tất cả những kẻ phiến loạn; 5- tập trung tín dụng vào tay nhà nước thông qua một ngân hàng quốc gia với tư bản của nhà nước và ngân hàng này sẽ nắm độc quyền hoàn toàn; 6- tập trung tất cả các phương tiện vận tải vào trong tay nhà nước; 7- tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cấy cây và cải tạo ruộng đất trong một kế hoạch chung; 8- thực hành nghĩa vụ lao động đối với tất cả mọi người, tổ chức các đạo quân công nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp; 9- kết hợp nông nghiệp, thi hành những biện pháp nhằm làm mất dần sự khác biệt thành thị và nông thôn; 10- giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em. Xóa bỏ việc sử dụng trẻ em làm

trong các khu công xưởng như hiện nay. Kết hợp giáo dục với sản xuất vật chất,...”.

Mặc dù C.Mác và Ăngghen có lưu ý rằng đó là “những biện pháp *có thể*” được áp dụng và cũng chỉ thích hợp “*đối với những nước tiên tiến nhất*”, tuy nhiên trong thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội trước thời kỳ đổi mới ở Việt Nam cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác (đều là những nước chưa đạt tới sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản, thậm chí chưa trải qua sự phát triển của chủ nghĩa tư bản) đã rất triệt để áp dụng các biện pháp đó.

Mặt khác, trong khi khẳng định tính tất yếu phải xóa bỏ triệt để chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa ở những nước đã từng trải qua sự phát triển cao nhất của chủ nghĩa tư bản thì tất yếu cũng phải trải qua một thời kỳ quá độ, trong đó việc thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chỉ có thể là một quá trình nhất định. Trong tác phẩm *Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, khi trả lời câu hỏi “Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không?” Ph.Ăngghen đã khẳng định dứt khoát rằng: “Không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu”.

Kế thừa quan điểm của Mác và Ăngghen về tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, Lênin trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng* cũng như trong tác phẩm *Kinh tế và chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản* và một số tác phẩm khác của mình đã nhấn mạnh về tính tất yếu đó và gọi thời kỳ quá độ ấy bằng hình tượng “những con đầu đê kéo dài” không thể tránh khỏi của tiến trình cách mạng xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa và phát triển chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Những nhấn mạnh đó của Lênin cũng là nhằm nhắc nhở những người cộng sản không thể chủ quan duy ý chí, nóng vội xóa bỏ triệt để mọi quan hệ sản xuất ngoài phạm vi chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa; bởi vì, theo quy luật khách quan thì quan hệ sản xuất nói chung và sở hữu tư liệu sản xuất nói riêng không phải là sản phẩm chủ quan duy ý chí mà tất yếu nó chịu sự chi

phối quyết định bởi thực trạng trình độ phát triển thực tế của các lực lượng sản xuất hiện có của xã hội. Nước Nga ở thời kỳ đầu thế kỷ XX mới chỉ phát triển đến trình độ “trung bình” của chủ nghĩa tư bản so với các nước Tây Âu thời ấy (tiêu biểu là nước Anh và Pháp).

Như vậy có thể thấy, đối với những nước chưa từng trải qua chủ nghĩa tư bản như Việt Nam và các nước có hoàn cảnh tương tự, khi đi lên chủ nghĩa xã hội, với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất *còn hết sức thấp* thì thời kỳ “những con đầu đê kéo dài” có thể còn kéo dài hơn nữa. Do vậy, tiến trình xây dựng và phát triển chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất là một quá trình phức tạp và khó khăn hơn nhiều. Mặt khác, so với sự phát triển của lực lượng sản xuất của xã hội công nghiệp truyền thống ở các nước tư bản trước đây (căn bản là một nền đại công nghiệp dựa trên trình độ kỹ thuật cơ khí hóa) thì sự phát triển của nền đại công nghiệp tư bản hiện nay đã và đang diễn ra những biến đổi ở một trình độ mới chưa từng có ở thế kỷ XVIII– XIX và đầu thế kỷ XX– đó là nền đại công nghiệp phát triển theo khuynh hướng căn bản dựa trên các ngành công nghệ cao với 8 ngành cơ bản như công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, công nghệ vũ trụ, công nghệ hải dương... Cũng chính từ sự phát triển nền đại công nghiệp theo khuynh hướng mới đó đã tất yếu làm xuất hiện những hình thức tổ chức kinh tế theo kiểu mới– tổ chức *kinh tế tri thức*. Đặc biệt là với nhu cầu phát triển có tính xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất hiện đại ở các nước tư bản chủ nghĩa đã ngày càng xuất hiện, phát triển những hình thức tổ chức kinh tế theo kiểu mới, vượt qua tính chất hạn hẹp của kiểu tổ chức kinh tế trong các xã hội tư bản truyền thống trong thời kỳ thuộc thế kỷ trước– đó là sự hình thành và phát triển của các hình thức tổ chức kinh tế vượt qua chế độ sở hữu tư bản cá biệt, hình thành nên những hình thức sở hữu có tính xã hội hóa ngày càng rộng lớn, thích hợp cho việc phát triển và khai thác các nguồn lực khổng lồ có tầm cỡ vượt qua ngoài phạm vi một quốc gia dân tộc và phát triển vô cùng năng động dưới sự tác động của cuộc cách mạng công nghệ ở thời đại mới, trong đó loại hình sở hữu của các công ty cổ phần là hình thức

điển hình có thể thích hợp với thực tế phát triển của lực lượng sản xuất của thời đại mới hiện nay. Đương nhiên, về lý luận và thực tiễn chưa đủ căn cứ để khẳng định được đó là hình thức sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất của chủ nghĩa xã hội nhưng có thể đó là những “mầm mống” của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa trong xã hội tương lai đang được mạnh mẽ hình thành từ chính trong lòng sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tức nó cũng là hình thức kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin cũng đã lưu ý cần nghiên cứu hình thức sở hữu này để tìm câu giải đáp cho vấn đề về chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa trong tương lai.

### 3. Quá trình phát triển nhận thức về đặc trưng chế độ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam từ Cương lĩnh năm 1991 đến Cương lĩnh năm 2011

Khi xác định đặc trưng chế độ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991) có khẳng định: đó là “một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và *chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu*”.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn thời kỳ đổi mới và sự phát triển công tác nghiên cứu lý luận của Đảng, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X có đưa ra quan điểm mới: đó nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và “*quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*” (thay cho cụm từ “*chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu*” trong Cương Lĩnh (năm 1991).

Trong Cương Lĩnh (năm 2011), sau những cuộc tranh luận sôi nổi và nghiêm túc trong quá trình dự thảo và ngay trong Đại Hội XI, đã đi tới biểu quyết (với số phiếu tán thành trên 66% đồng ý) sửa đổi, phát triển nhận thức mới về đặc trưng chế độ kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: “*nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp*”.

Việc sửa đổi quan niệm về đặc trưng kinh tế của

xã hội xã hội chủ nghĩa như vậy có gì mới phản ánh bước phát triển trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

**Thứ nhất**, quan niệm cũ *chỉ nhấn mạnh đặc trưng chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất* là “*công hữu về tư liệu sản xuất*” mà chưa đề cập đến hai mặt còn lại của hệ thống các quan hệ sản xuất của nền kinh tế là *quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối*; còn quan niệm mới bao quát toàn diện trên cả ba mặt quan hệ sản xuất của nền kinh tế. Như vậy, nội hàm của khái niệm đặc trưng này đã đầy đủ, toàn diện hơn.

**Thứ hai**, so với Văn kiện Đại hội X, trong Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung thêm từ “*tiến bộ*” vào trong cụm từ “quan hệ sản xuất phù hợp” thành cụm từ “quan hệ sản xuất *tiến bộ phù hợp*”. Vậy, khái niệm “quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” có hàm ý nào? Hiển nhiên tính chất “*tiến bộ phù hợp*” của quan hệ sản xuất này có hàm ý là phù hợp với “*lực lượng sản xuất hiện đại*” trong vế trước của mệnh đề. Cũng bởi lẽ phù hợp với lực lượng sản xuất đã phát triển ở trình độ “*hiện đại*” chứ không phải với bất kỳ trình độ nói chung nào, nên quan hệ sản xuất *phù hợp* được đề cập ở đây cũng có nghĩa là quan hệ sản xuất “*tiến bộ*” (sử dụng ứng đối với từ “*hiện đại*” ở vế trước). Mặt khác, *tính chất tiến bộ* của quan hệ sản xuất này cũng không phải chỉ được xét trong tương quan với mặt lực lượng sản xuất mà còn trong mối quan hệ với yêu cầu của chế độ chính trị - xã hội xã hội chủ nghĩa nữa – đó là yêu cầu sự phát triển kinh tế phải đạt được mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”; do nhân dân làm chủ” như đã được ghi trong mệnh đề thứ nhất của Cương lĩnh năm 2011 khi nói về các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Như vậy, so với Cương lĩnh năm 1991 thì khái niệm đặc trưng về mặt quan hệ sản xuất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa được ghi trong Cương lĩnh năm 2011 đã đầy đủ toàn diện hơn xét từ góc độ lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về hai chức năng của hệ thống quan hệ sản xuất trong mỗi hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Vấn đề còn lại là, trong thực tiễn triển khai Cương lĩnh này, một khi *xuất hiện mâu thuẫn* trong việc thực hiện hai chức năng đó thì cần phải giải quyết nó như thế nào để bảo

đảm rằng tính chất “tiến bộ” của quan hệ sản xuất này (trên cả ba mặt của một chỉnh thể hệ thống quan hệ sản xuất thống nhất) không bị vi phạm. Đó là những vấn đề cụ thể hóa trong chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước trong mỗi lĩnh vực cụ thể cũng như ở mỗi thời kỳ cụ thể.

**Thứ ba**, quan niệm về đặc trưng quan hệ sản xuất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ghi trong Cương lĩnh năm 1991 phản ánh nhận thức cố định về quan hệ sở hữu đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội phải là “chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu”. Quan niệm ấy hiển nhiên là trung thành tuyệt đối với những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác– Lênin khi bàn về chế độ kinh tế của chủ nghĩa xã hội trong một số tác phẩm của các ông mà tiêu biểu là tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Tuy nhiên, chính chủ nghĩa Mác cũng dạy rằng “thực tiễn cao hơn lý luận” (Lênin– Bút ký triết học) nên nhất định phải từ chính thực tiễn phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại và từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà có thể bổ sung, phát triển những luận điểm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác– Lênin. Bởi vậy, có thể thấy quan niệm mới trong Cương lĩnh năm 2011 về đặc trưng quan hệ sản xuất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là một bước phát triển nhận thức phù hợp hơn với lý luận biện chứng của chủ nghĩa Mác– Lênin. Quan niệm đó cho phép công tác nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội ở nước ta cũng như trong thực tiễn hoạch định chiến lược và chế định chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước có cơ hội phát triển theo hướng ngày càng tiến tới chân lý đầy đủ hơn, đúng với nghĩa là một cương lĩnh ở tầm chiến lược xây dựng xã hội mới.

Trong lịch sử gần một thế kỷ của chủ nghĩa xã hội, xét trên cả phương diện nghiên cứu lý luận và tổ chức thực tiễn, khi đề cập đến chế độ công hữu

xã hội chủ nghĩa về các tư liệu sản xuất, thì ngoài hai hình thức *sở hữu toàn dân* (do Nhà nước thống nhất quản lý) và *sở hữu tập thể* của những người lao động mà hình thức hợp tác xã là hình thức điển hình, các hình thức khác đều gần như chưa được đề cập nghiên cứu hoặc nghiên cứu chưa đầy đủ, chưa trở thành quan điểm chính thống trong giới lý luận nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội theo quan điểm macxit. Với quan điểm mới trong Cương lĩnh năm 2011 sẽ mở ra cơ hội để giới học thuật nước ta có điều kiện thuận lợi đẩy mạnh những nghiên cứu về các hình thức đa dạng có thể có của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa trong tương lai. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn rằng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong giai đoạn trước mắt, thì định hướng phát triển kinh tế sau đây trong Văn kiện Đại hội XI vẫn là cấp bách nhất: “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối”; đồng thời phải xác định: “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”.

Tuy nhiên, với thực tế hiện nay (cả về lý luận và thực tiễn), để bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới nhằm nâng cao *vai trò cần có* của thành phần kinh tế dựa trên chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa là thành phần kinh tế Nhà nước và kinh tế tập thể sao cho bộ phận *kinh tế Nhà nước* thực sự có thể đảm nhận được vai trò “chủ đạo” trong nền kinh tế quốc dân như đã khẳng định trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam. □

### Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H – 2011; các trang 70 và 73.
2. C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, các trang 616, 819, 620, 469).
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X)*, Nxb Chính trị quốc gia, H – 2010, phần I, tr. 411.